

VAI TRÒ CỦA HỆ THỐNG DI TÍCH TIỀN SƠ SỬ VÙNG NGẬP MẶN ĐÔNG NAM BỘ TRONG SỰ HÌNH THÀNH VĂN HÓA TIỀN ÓC EO QUA GÓC NHÌN HẢI THƯƠNG

NGUYỄN NGỌC QUÝ*

Dựa trên phân tích những tư liệu khảo cổ có được cho đến nay, bài viết tìm hiểu tuyến phát triển văn hóa tiền Óc Eo - Óc Eo qua hệ thống di tích vùng ngập mặn ven biển Đông Nam Bộ, đặc biệt là vai trò của những di tích phân bố ở khu vực quanh vịnh Gành Rái. Nhóm cư dân bản địa ở khu vực vịnh Gành Rái đã chủ động tham gia vào tuyến hải thương quốc tế một cách tích cực, nên khu vực này đóng vai trò là một thương cảng trung tâm giao thương giữa các nước trong khoảng vài thế kỷ trước sau Công nguyên. Đây là cơ sở quan trọng góp phần hình thành nên văn hóa Óc Eo trong lịch sử.

Từ khóa: di tích khảo cổ ở Đông Nam Bộ, văn hóa khảo cổ Óc Eo, giao thương thời tiền sử ở Đông Nam Bộ

Nhận bài ngày: 16/01/2026; đưa vào biên tập: 20/01/2026; phản biện: 19/4/2026; duyệt đăng: 11/5/2026

1. DẪN NHẬP

Văn hóa Óc Eo là một nền văn hóa khảo cổ lớn phân bố ở Nam Bộ từ thế kỷ I đến thế kỷ VII. Kết quả nghiên cứu trong 60 năm qua của các nhà khảo cổ học Việt Nam, trên cơ sở khai quật khảo cổ nhiều di tích tiền Óc Eo - Óc Eo ở Nam Bộ đã ghi nhận nhiều tuyến đường góp phần vào văn hóa Óc Eo trên một cơ tầng văn hóa bản địa phát triển. Với vị trí quan trọng trên con đường hải thương quốc tế, cư dân ở đây đã có điều kiện để thường xuyên đón nhận các yếu tố văn hóa bên ngoài, kích thích sự phát triển bên

trong, đưa đến sự hình thành nền văn minh Óc Eo rực rỡ. Mặc dù còn nhiều quan điểm khác nhau về nguồn gốc hình thành văn hóa Óc Eo nhưng cơ bản các học giả trong nước và quốc tế đều cho rằng đây là nền văn hóa lớn có nguồn gốc từ những nền văn hóa tiền Óc Eo bản địa có sự hấp thu các yếu tố văn hóa ngoại nhập (Hà Văn Tấn, 1985: 222-231; Lê Xuân Diệm và nnk, 1995; Nguyễn Quốc Mạnh, 2023: 224-241).

Sự phát triển thịnh vượng của con đường thương mại Biển Đông kết nối hai trung tâm liên thế giới Ấn Độ - Trung Hoa trong khoảng thế kỷ V trước Công nguyên đến thế kỷ V sau Công nguyên, trong đó sự trao đổi

* Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.

thương mại trực tiếp và liên tục giữa Ấn Độ và khu vực Đông Nam Á đã tạo cơ hội cho các nhóm cư dân bản địa miền Trung và Nam Bộ Việt Nam tiếp xúc với thế giới bên ngoài, tiếp thu những yếu tố văn hóa mới tác động sâu sắc đến xã hội dẫn đến bước chuyển từ giai đoạn sơ sử sang lịch sử sớm ở các khu vực này (Glover-1990; 1996; 2009; Solheim II, 2000: 273-284; Francis, 2002).

Bài viết này dựa trên cơ sở phân tích hệ thống tư liệu khảo cổ học giai đoạn kim khí ở vùng ngập mặn ven biển Đông Nam Bộ, đặc biệt là nhóm di tích phân bố ở khu vực quanh vịnh Gành Rái; với hướng tiếp cận các di tích, di vật khảo cổ qua góc nhìn trao đổi thương mại để từ đó có thêm những đánh giá xác đáng hơn về vai trò của hệ thống di tích tiền-sơ sử vùng ngập mặn Đông Nam Bộ trong sự hình thành xã hội tiền Óc Eo.

2. NHẬN THỨC VỀ CÁC TUYẾN HÌNH THÀNH VĂN HÓA TIỀN ÓC EO VÀ HỆ THỐNG DI TÍCH VÙNG NGẬP MẶN ĐÔNG NAM BỘ

2.1. Nhận thức về các tuyến phát triển tiền Óc Eo

Với một khối lượng lớn tư liệu khảo cổ được tích lũy về thời tiền-sơ sử ở Nam Bộ Việt Nam, có thể khẳng định đến giai đoạn sơ kỳ thời đại đồ sắt các nhóm cư dân bản địa từ thời đại đá mới và sơ kỳ kim khí đã hoàn toàn chiếm lĩnh và làm chủ đồng bằng Nam Bộ, bao gồm cả các vùng đất cao và vùng đầm lầy ngập mặn ven biển. Những di tích thời đại sắt sớm đã

được phát hiện và khai quật nghiên cứu, tùy theo điều kiện tự nhiên mà phân bố thành từng cụm di tích từ vài ba địa điểm đến vài chục địa điểm phủ kín một khu vực rộng lớn. Ở mỗi cụm di tích đều có một vài di tích nổi bật, có quy mô lớn, có tính chất trung tâm và một số di tích nhỏ xung quanh như Gò Cây Tung (An Giang), Gò Ô Chùa (Tây Ninh), Giồng Nổi (Vĩnh Long), Giồng Cá Vồ - Giồng Phệt, Giồng Lớn (Thành phố Hồ Chí Minh)... Những địa điểm tiêu biểu này mang chứa những di tích, di vật chuyển tải nhiều thông tin lịch sử, văn hóa, xã hội thời tiền sơ sử. Sự hiện diện của mỗi di tích tiêu biểu ở mỗi khu vực có ý nghĩa quan trọng trong việc nhận thức tổng thể về xã hội tiền Óc Eo và các con đường hình thành văn hóa Óc Eo ở vùng đất Nam Bộ.

Trên nền tảng những khám phá mới về các văn hóa tiền Óc Eo bản địa các nhà nghiên cứu cơ bản cho rằng có nhiều con đường tiến lên văn hóa Óc Eo từ những di tích thời đại sắt sớm ở Nam Bộ. Đồng thời, khi phác dựng các con đường chuyển biến từ giai đoạn tiền Óc Eo sang văn hóa Óc Eo giai đoạn sớm trong khoảng nửa sau thiên niên kỷ I trước Công nguyên, các nhà khảo cổ đã cố gắng phân lập các tuyến phát triển và ghi nhận các dạng hình cơ bản:

Dạng hình thứ nhất phân kỳ các tuyến phát triển tiền Óc Eo theo không gian các thềm bậc địa hình đồng bằng từ cao xuống thấp, từ đó phân lập 3 hệ thống văn hóa cổ: (1) Hệ thống các di

tích phân bố trên phạm vi các gò đất cao của vùng phù sa cổ lưu vực sông Đồng Nai và hệ thống sông Vàm Cỏ với các di tích tiêu biểu là Gò Ô Chùa, Gò Hàng, Gò Cao Su...; (2) Hệ thống các di tích phân bố trên các giồng đất cao xen giữa các dòng chảy - cù lao - ở khu vực hạ lưu hệ thống sông Đồng Nai và hệ thống sông Mekong với các di tích tiêu biểu là nhóm di tích ở Vĩnh Long và nhóm di tích ở vùng ven biển Cần Giờ; (3) Hệ thống các di tích phân bố trên khu vực đồng bằng thấp ven biển vùng Đồng Tháp Mười và tứ giác Long Xuyên với các di tích tiêu biểu Óc Eo, Ba Thê, Gò Cây Tung... (Nguyễn Xuân Mạnh và nnk, 2007: 53).

Dạng hình thứ hai cũng được phân lập thành 3 nhóm: nhóm sông Hậu, nhóm sông Vàm Cỏ và nhóm ngập mặn ven biển Đông Nam Bộ. Trong đó, nhóm di tích lưu vực sông Hậu gồm các di tích phân bố chủ yếu trên địa bàn tỉnh An Giang như Gò Cây Tung, Gò Tư Trâm, Gò Me - Gò Sành, địa điểm K9 và Giồng Cu... cùng địa điểm Giồng Nổi ở Vĩnh Long, là những di tích có địa tầng dày, phát triển qua nhiều giai đoạn từ tiền Óc Eo - Óc Eo - hậu Óc Eo. Các địa điểm trên đều có niên đại khởi đầu thuộc sơ kỳ sắt và lớp muôn bắt đầu có yếu tố Óc Eo. Nhóm di tích lưu vực sông Vàm Cỏ gồm các di tích phân bố ở tỉnh Long An như Gò Ô Chùa, Gò Cao Su, Lò Gạch... là các di chỉ cư trú, cư trú - mộ táng hoặc xưởng sản xuất gốm, có địa tầng gồm hai giai đoạn văn hóa

sớm muộn, trong đó lớp văn hóa sớm thuộc giai đoạn sơ kỳ sắt, lớp muôn có niên đại cận kề công nguyên và bắt đầu chuyển sang văn hóa Óc Eo. Nhóm di tích ven biển Đông Nam Bộ gồm các di tích Giồng Cá Vồ và Giồng Phệt phân bố ở vùng ngập mặn ven biển huyện Cần Giờ, cụm di tích Giồng Lớn trên đảo Long Sơn (Thành phố Hồ Chí Minh). Các di tích này có tính chất vừa là di chỉ cư trú - mộ táng, vừa là trung tâm thủ công nghiệp với các nghề sản xuất gốm, chế tác trang sức, làm đồ thủy tinh... (Trương Đắc Chiến, 2017: 19-20). Nhóm di tích này có niên đại sơ kỳ sắt và kết thúc khi bước vào giai đoạn văn hóa Óc Eo.

Các nhà nghiên cứu cũng ghi nhận sự hình thành văn hóa Óc Eo có tính đa tuyến và bên cạnh sự tham gia của các nhóm di tích sơ kỳ thời đại đồ sắt thuộc lưu vực các sông lớn, còn có nhiều yếu tố ngoại sinh khác, mà điển hình là tiếp xúc, trao đổi và tiếp biến với văn hóa Ấn Độ ngay từ giai đoạn tiền Óc Eo với những ảnh hưởng ngày càng được tăng cường theo thời gian.

Trong các tuyến phát triển văn hóa tiền Óc Eo - Óc Eo, hệ thống di tích vùng ngập mặn ven biển Đông Nam Bộ, đặc biệt là những di tích phân bố ở khu vực quanh vịnh Gành Rái có vai trò rất quan trọng. Nhóm di tích ở khu vực này trước đây dù được các nhà khảo cổ đoán định như một tuyến quan trọng phát triển lên văn hóa Óc Eo ở vùng ven biển Đông Nam Bộ nhưng do tình hình tư liệu khảo cổ

chưa cho phép nên vẫn chưa thể chứng minh một cách thuyết phục (Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền, 1995; Đặng Văn Thắng và nnk, 1998; Nguyễn Thị Hậu, 1997; Trương Đắc Chiến, 2017). Những khúc mắc trong việc diễn giải tuyến phát triển tiền Óc Eo ở khu vực này chủ yếu tập trung ở nhóm di tích vùng ngập mặn Cần Giờ, trong đó địa điểm Giồng Cá Vồ - Giồng Phệt giữ vai trò trung tâm quy tụ các di tích còn lại.

2.2. Nhận thức về hệ thống di tích vùng ngập mặn Đông Nam Bộ

2.2.1. Nhận thức về niên đại và di vật và mối quan hệ

Di tích Giồng Cá Vồ và Giồng Phệt nằm trên những giồng đất đỏ trong vùng ngập mặn thuộc địa phận xã Cần Giờ (Thành phố Hồ Chí Minh). Địa điểm Giồng Phệt được khai quật một lần vào năm 1993. Địa điểm Giồng Cá Vồ được khai quật lần thứ nhất năm 1993 và lần thứ hai năm 1994. Kết quả của những cuộc khai quật này được sử dụng làm nền tảng cho các nghiên cứu diễn giải về tiến trình và các giai đoạn phát triển tiền Óc Eo ở khu vực Đông Nam Bộ cho đến gần đây. Cuộc khai quật năm 1993 và 1994 xác định Giồng Cá Vồ mang tính chất một di chỉ cư trú - mộ táng với tầng văn hóa dày khoảng 1,5m, có niên đại khoảng 2.500 BP. Mộ táng ở đây chủ yếu là mộ chum, bên cạnh đó là một số mộ đất. Di vật hết sức phong phú, cả ở trong tầng văn hóa và trong mộ, với các loại như đồ gốm, đồ trang sức, công cụ, vũ khí

bằng kim loại... Cuộc khai quật năm 1993 ở Giồng Phệt cũng ghi nhận địa điểm này là một di chỉ - mộ táng có nhiều nét tương đồng với Giồng Cá Vồ, niên đại khoảng 2400 - 2100 BP. Tầng văn hóa di tích dày 1,5 - 1,7m, bên trong chứa các di tích bếp, mộ táng, đồ đá, đồ gốm, thủy tinh, đồ kim loại (Đặng Văn Thắng và nnk, 1998: 108-221). Tư liệu từ các cuộc khai quật năm 1993 - 1994 cho biết mộ táng Giồng Cá Vồ - Giồng Phệt được chôn ngay trong di chỉ cư trú, với hai loại hình là mộ chum và mộ đất, trong đó mộ chum giữ vai trò chủ đạo với trên 300 mộ chum hung táng - nhiều chum bên trong chứa di cốt người. Mộ đất được tìm thấy hơn chục mộ nằm cùng địa tầng, có niên đại muộn hơn mộ chum. Đợt khai quật năm 1994 phát hiện 10/11 mộ đất chôn cất phá vào mộ chum (Nguyễn Thị Hậu, 1997: 39). Dựa vào cơ sở dữ liệu có được, đã có ý kiến cho rằng Giồng Cá Vồ - Giồng Phệt đã có những yếu tố văn hóa Óc Eo và phát triển lên văn hóa Óc Eo qua con đường Giồng Lớn.

Giồng Lớn là địa điểm trung tâm trong nhóm các di tích Giồng Ông Trọng, Bãi Cá Xiu, Bãi Cá Sóng... phân bố trên bán đảo Long Sơn (Thành phố Hồ Chí Minh). Di tích nằm đối diện với các di tích Giồng Cá Vồ, Giồng Phệt, Giồng Am ở Cần Giờ qua vịnh Ghềnh Rái. Sau phát hiện năm 2002, di tích được khai quật hai lần vào năm 2003 và 2005. Đợt khai quật năm 2003 diện tích 350m² đã phát hiện 54 mộ, gồm 49 mộ huyệt đất và 4 mộ nôi, 1.636

hiện vật tùy táng gồm các chất liệu đồ gốm, đồ đá, đồ sắt, đồ thủy tinh, vàng... với nhiều loại hình đa dạng. Đợt khai quật năm 2005 diện tích 536m² phát hiện 80 mộ táng, gồm 72 mộ đất và 8 mộ nồi. Mộ đất có niên đại khoảng thế kỷ II - III trước Công nguyên đến thế kỷ I - II sau Công nguyên, nhiều mộ có chôn theo đồ tùy táng bằng gốm, đá, thủy tinh, đồng và sắt; đặc biệt ở nhóm mộ có niên đại đầu Công nguyên còn xuất hiện những đồ tùy táng bằng vàng. Mộ nồi Giồng Lớn đều là loại nồi nhỏ, đường kính thân từ 35 - 50cm, cao khoảng 25 - 30cm, đa số nồi bị ghè miệng, một số mộ có nồi nhỏ úp lên trên làm nắp; đồ tùy táng có số lượng rất ít, với hai loại chất liệu là đồ gốm và thủy tinh. Cư dân Giồng Lớn đã có một trình độ phát triển cao về kinh tế - xã hội và có nhiều mối quan hệ với các khu vực bên ngoài. Họ không những có sự giao lưu rộng rãi với các vùng văn hóa khác đồng đại trên đất nước ta và cả trong khu vực Đông Nam Á. Qua nghiên cứu so sánh, một số nhà nghiên cứu nhận định nhóm di tích mộ chum Cần Giờ và cụm di tích Giồng Lớn - Long Sơn có quan hệ rất đậm nét và cho rằng sự hiện diện của khu mộ táng Giồng Lớn cũng như những di tích khác trên đảo Long Sơn chính là sự lan tỏa của nhóm cư dân từ Cần Giờ và phát triển lên văn hóa Óc Eo ở ven biển Đông Nam Bộ (Trương Đắc Chiến, 2018).

Tuy nhiên, các nhà nghiên cứu trên cũng nhận định việc cho rằng tuyến

phát triển Giồng Cá Vồ, Giồng Phệt - Giồng Lớn định hình cho sự phát triển liên tục tiền Óc Eo - Óc Eo ở khu vực Đông Nam Bộ vẫn còn nhiều vấn đề phải xem xét. Bởi ở lớp trên của các địa điểm Giồng Cá Vồ và Giồng Phệt đã thấy sự hiện diện của một số đồ gốm thuộc văn hóa Óc Eo giai đoạn sớm; và dựa vào nghiên cứu loại hình di vật cho thấy niên đại của các di tích này không cách nhau quá xa. Đồng thời, cụm di tích Giồng Cá Vồ - Giồng Phệt có nhiều điểm khác Giồng Lớn chủ yếu ở loại hình mộ táng nhưng lại rất gần gũi với các di tích mộ chum văn hóa Sa Huỳnh khiến các nhà nghiên cứu có nhiều ý kiến khác nhau, có ý kiến xếp Giồng Cá Vồ vào văn hóa Sa Huỳnh nhóm phía nam nhưng cũng có ý kiến cho rằng chúng thuộc về một văn hóa khác - văn hóa Giồng Phệt (Nguyễn Thị Hậu, Đặng Văn Thắng, 2000: 102-108).

Năm 2021 địa điểm Giồng Cá Vồ được Viện Khảo cổ học khai quật với tổng diện tích 225m². Mặc dù mới chỉ được công bố kết quả sơ bộ nhưng những tư liệu mới từ cuộc khai quật này đã góp phần làm sáng tỏ nhiều điều về diễn trình văn hóa tiền Óc Eo của khu vực. Đợt khai quật đã xác định tầng văn hóa di tích có hai giai đoạn cư trú và mộ táng được tách biệt bằng một lớp đất cứng ở bề mặt giai đoạn cư trú. Lớp văn hóa cư trú dày trung bình 1 - 1,2m, đất màu nâu đỏ lẫn sét và than tro; các di tích, di vật chủ yếu là bếp lửa, hố cột cùng nhiều mảnh gốm vỡ, xương động vật và vỏ

nhuyễn thể. Lớp mộ táng ở giai đoạn muộn biểu thị cho giai đoạn khu di chỉ cư trú chuyển thành khu nghĩa địa với cấu tạo địa tầng là đất màu nâu xám lẫn mảnh gốm vỡ và vỏ nhuyễn thể. Có hai giai đoạn mai táng: giai đoạn đầu cư dân mai táng mộ huyết đất chôn nằm thẳng; giai đoạn sau phương thức mai táng thay đổi bằng việc đặt di cốt vào chum gốm. Đợt khai quật này cho biết mộ chum có niên đại muộn hơn mộ đất và hiện tượng mộ chum cắt phá vào mộ đất là rất phổ biến. Một điểm đáng lưu ý khác là đồ tùy táng trong mộ chum rất phong phú về loại hình và số lượng với các loại đồ gốm, đồ sắt và đồ trang sức bằng vàng, đá quý, mã não, thủy tinh, gốm... trong khi đồ tùy táng trong mộ đất không nhiều, có mộ chôn theo đồ trang sức nhưng chủ yếu là chôn theo đá cuội và vỏ nhuyễn thể. Niên đại di tích nằm trong khoảng 2.300 - 2.200 BP, trong đó lớp cư trú có niên đại sớm hơn, còn lớp mộ táng có niên đại muộn hơn (Viện Khảo cổ học, 2022).

Kết quả của cuộc khai quật năm 2021 đã đưa đến 2 nhận thức quan trọng so với các cuộc khai quật trước đây ở Giồng Cá Vồ: (1) Xác định nhóm mộ huyết đất có niên đại sớm hơn và có trước nhóm mộ chum; và (2) Về mặt niên đại các di tích Giồng Cá Vồ - Giồng Phệt và Giồng Lớn nằm cùng một giai đoạn thay vì phát triển tiếp nối như đã xác định trước đây.

2.2.2. Nhận thức về nguồn gốc dân cư của di tích

Những tư liệu khảo cổ có được cho đến nay cho phép xác định vùng ngập mặn Đông Nam Bộ là không gian phân bố của cư dân văn hóa Đồng Nai tiến từ vùng đất cao đi “chinh phục”, khai phá các vùng đất mới hướng về phía biển vừa hình thành. Dấu tích của nhóm cư dân này để lại là các nhóm di tích Rạch Lá, Cái Vạn, Cái Lăng, Gò Me thuộc Nhơn Trạch (Đồng Nai); di tích Bưng Bạc, Bưng Thơm, cụm di tích Giồng Lớn ở bán đảo Long Sơn (Thành phố Hồ Chí Minh); và nhóm di tích Giồng Cá Vồ giai đoạn sớm (lớp văn hóa cư trú và mộ huyết đất) ở Cần Giờ. Trong diễn tiến niên đại, Cái Vạn và Rạch Lá nằm trong khung niên đại 3.000 - 2.500 BP; các di tích Cái Lăng, Gò Me, Bưng Bạc, Bưng Thơm có niên đại nằm trong khoảng từ 2.500 - 2.000 BP (Bùi Phát Diệm và nnk, 2001; Bùi Chí Hoàng và nnk, 2012) các địa điểm Giồng Lớn, Giồng Cá Vồ có giai đoạn khởi đầu 2.300 BP (Trương Đắc Chiến, 2017; Viện Khảo cổ học, 2022). Xu hướng tịnh tiến ra phía biển có thể nhìn thấy rất rõ qua các mốc niên đại của các nhóm di tích từ sớm đến muộn và có lẽ cũng là thời gian các vùng đất lầy thấp có thể trở thành không gian cư trú của con người. Về diễn biến loại hình và chất liệu di vật, đặc biệt là đồ gốm có thể thấy Cái Lăng, Gò Me, Bưng Bạc, Bưng Thơm có sự gần gũi với các di tích Rạch Lá, Cái Vạn trước đó thể hiện ở chất liệu gốm xương xám pha cát và ít bã thực vật, xương đồ sét mịn độ nung cao hay gốm xốp xương màu xám tro;

đồng thời có sự gần gũi giữa chúng với các nhóm Giồng Lớn và Giồng Cá Vồ (giai đoạn sớm) sau đó qua những đồ gốm được tô vẽ màu cùng với trang trí khắc vạch, in ấn. Cư dân nơi đây cư trú trên những nhà sàn bằng gỗ phù hợp với không gian sống vùng đầm lầy ngập mặn. Tuy nhiên, truyền thống chôn cất với cách thức mai táng hung táng bằng mộ huyết đất, chôn nằm thẳng của văn hóa Đồng Nai vẫn được tuân thủ nghiêm ngặt. Chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy sự tương đồng trong táng thức ở các địa điểm Gò Me (Nhơn Trạch), Giồng Cá Vồ, Giồng Lớn vùng cửa biển với những địa điểm mộ táng nằm sâu trong nội địa như Gò Ô Chùa, Gò Duối (Tây Ninh)...

Địa điểm Gò Ô Chùa phân bố ở khu vực giáp ranh giữa dải phù sa cổ và vùng trũng Đồng Tháp Mười, thuộc xã Khánh Hưng, tỉnh Tây Ninh. Đây là một di chỉ - mộ táng, có tầng văn hóa dày khoảng 2m, với nhiều giai đoạn phát triển liên tục từ tiền Óc Eo - Óc Eo. Niên đại của di tích chủ yếu nằm trong khoảng thế kỷ III - IV trước Công nguyên đến I - II sau Công nguyên (Ngô Thế Phong, Bùi Phát Diệm, 2001; Vương Thu Hồng, 2007: 53). Mộ táng ở Gò Ô Chùa có hai loại mộ huyết đất và mộ vò. Mộ đất là loại hình táng tục chủ đạo, đợt khai quật năm 1997 tìm thấy 8 mộ (Ngô Thế Phong, Bùi Phát Diệm, 2001), đợt khai quật năm 2005 tìm thấy 30 mộ, đều là mộ chôn nằm thẳng, đồ tùy táng chủ yếu là đồ gốm với nhiều loại hình khác nhau, ngoài

ra còn có công cụ sắt và một vài đồ trang sức bằng đá và thủy tinh. Gốm tùy táng không có nhiều khác biệt với gốm trong di chỉ. Chất liệu gốm Gò Ô Chùa khá mịn, thường có màu xám đen, có lớp áo trắng bên ngoài rất mịn. Loại hình gốm Gò Ô Chùa rất phong phú, với các loại như bát bông chân trụ, bát chân loe, bình vai gãy, bình hình cầu, bình thân eo, bình vai xuôi, bình cổ thấp, nôi, vò, bát, chậu, chạc gốm, nắp có vành móc, dọi se chỉ... Xử lý bề mặt và trang trí hoa văn trên gốm Gò Ô Chùa miết bóng, bôi màu, bên cạnh đó là các dạng hoa văn trang trí khắc vạch chữ S, hình sin, răng cưa, hoa thị... (Nguyễn Xuân Mạnh và nnk, 2007: 37-55)

Nếu không tính đến sự khác biệt về đồ tùy táng có nguồn gốc ngoại nhập như vàng, mã não, thủy tinh trong mộ táng Giồng Lớn; có thể thấy giữa Giồng Lớn, Giồng Cá Vồ (giai đoạn sớm) với Gò Ô Chùa, Gò Duối có nhiều đặc điểm gần gũi như: Mộ táng ở các địa điểm này đều xuất hiện nhóm hung táng bằng mộ huyết đất nằm thẳng là chủ đạo. Cách thức đặt đồ tùy táng, đặc biệt là đồ gốm, ở cả hai nơi đều được xếp thành từng cụm ở trên đầu hoặc phía dưới chân. Loại gốm mịn xương đen áo trắng ở các địa điểm có sự gần gũi, một số loại hình như bát bông, vò thân hình trụ, bình có chân đế... Những nét tương đồng này phản ánh mối quan hệ văn hóa cùng nguồn gốc của nhóm cư dân cư trú ở lưu vực sông Đồng Nai.

Một vấn đề đặt ra là, nếu Giồng Cá Vồ giai đoạn sớm thuộc truyền thống văn hóa Đồng Nai, vậy sự hiện diện của nhóm mộ chum ở khu vực này cần được giải thích như thế nào cho thỏa đáng? Để lý giải được điều này cần đặt khu vực vịnh Gành Rái trong bối cảnh hoạt động thương mại trên biển Đông Nam Á trong khoảng vài thế kỷ trước sau Công nguyên.

Một số nghiên cứu về nhân chủng học đã ghi nhận Đông Nam Á là giao điểm của nhiều luồng di cư của các nhóm cư dân từ thời tiền sơ sử. Trong đó, có những luồng di dân của người Austronesian ở Đông Nam Á hải đảo, dựa vào hàng hải, đã phát tán đi đến lục địa Đông Nam Á (Việt Nam, Malaysia), Đài Loan, bờ biển nam Trung Hoa, các đảo nam Nhật Bản, Thái Bình Dương và tận Madagascar (Solheim, 2000: 273-284). Những tư liệu khảo cổ thu được từ các địa điểm Giồng Cá Vồ (Thành phố Hồ Chí Minh) và Hòa Diêm (Khánh Hòa) cũng cho biết những cư dân giai đoạn sớm có táng tục là chôn mộ huyết đất nằm thẳng với một số không nhiều đồ tùy táng đá ngọc, mã não có nguồn gốc nhập ngoại; nhưng từ thế kỷ II-III trước Công nguyên đã xuất hiện và thịnh hành táng tục mộ chum mang truyền thống của khu vực Đông Nam Á hải đảo (Lâm Mỹ Dung, 2003) và các loại hình đồ tùy táng, đặc biệt là đồ trang sức nhập ngoại với sự phong phú hơn nhiều cả về chất liệu, loại hình và kiểu dáng. Những nghiên cứu về nhân chủng học của Nguyễn Lân

Cường (2004) đã xác định bên cạnh nhóm cư dân bản địa, Nam Bộ còn xuất hiện nhiều yếu tố nhân chủng của các nhóm cư dân khác nhau.

Một kết quả nghiên cứu khác cũng ghi nhận: giai đoạn sơ kỳ sắt sớm khoảng thế kỷ III - IV trước Công nguyên đã xuất hiện những tuyến hải thương giữa Đông Á và Nam Á theo con đường ven bờ biển. Những chứng tích của nó ở ven biển Việt Nam là các khu mộ chum văn hóa Sa Huỳnh giai đoạn sớm Cồn Ràng - Cồn Dài (Thừa Thiên Huế), Gò Mả Vôi - Thôn Tư (Đà Nẵng), Gò Quê, Sa Huỳnh (Quảng Ngãi), Động Cườm (Gia Lai), Hòa Diêm (Khánh Hòa) giai đoạn sớm, Giồng Cá Vồ (Cần Giờ) giai đoạn sớm cùng những đồ tùy táng có nguồn gốc giao lưu trao đổi với các khu vực khác như các loại đồ trang sức bằng mã não và thủy tinh. Đến giai đoạn I - II thế kỷ trước sau Công nguyên giao thương giữa hai trung tâm liên thế giới Ấn Độ - Trung Hoa được đẩy mạnh, miền Trung và Nam Việt Nam cũng hình thành 3 điểm trung chuyển trên con đường hải thương biển Đông ở Giồng Cá Vồ - Giồng Lớn trên vịnh Gành Rái, Hòa Diêm trên vịnh Cam Ranh và Lai Nghi ở vùng cửa sông Thu Bồn. Đây cũng là những trung tâm lớn mà sự phát triển của nó đã góp phần quan trọng hình thành nên những nhà nước sơ khai trong khu vực (Nguyễn Ngọc Quý, 2022).

3. HẢI THƯƠNG Ở CÁC DI TÍCH VEN BIỂN ĐÔNG NAM BỘ VÀ SỰ HÌNH THÀNH VĂN HÓA TIỀN ÓC EO

Những nhóm mộ chum ở Giồng Cá Vồ - Giồng Phệt, cũng như nhóm mộ chum Hòa Diêm (Khánh Hòa), được hình thành ở khoảng thế kỷ I - II trước sau Công nguyên xác định sự xuất hiện của các nhóm cư dân từ Đông Nam Á hải đảo ở những khu vực này (Nguyễn Ngọc Quý, 2022: 195). Ở thời điểm những chuyến hải hành phụ thuộc rất lớn vào hướng chảy của các dòng hải lưu cùng các hướng gió theo mùa; ưu thế từ vị trí địa lý nằm giữa quãng đường hải thương Ấn Độ - Trung Hoa; lại là nơi có các mặt hàng sản vật địa phương như tơ lụa và hương liệu các loại được các thương nhân ngoại quốc ưa chuộng... có lẽ các khu vực này đã thu hút các nhóm thương nhân tập hợp và hình thành những điểm cư trú phục vụ việc buôn bán theo mùa, dạng điểm cư trú còn hiện diện cho đến thế kỷ XVII - XVIII ở thương cảng Hội An.

Trong quá trình phát triển hải thương, từ vị trí “cửa ngõ” trước biển, nhóm cư dân vùng ngập mặn Đông Nam Bộ đã có điều kiện tiếp xúc với nhiều nền văn hóa. Khi một dòng chảy những thương nhân cùng các nhóm di cư từ Ấn Độ cho đến khoảng đầu Công nguyên vẫn còn riêng lẻ đã ồ ạt tràn đến vùng Đông Nam Á (Coedès, 2011: 50), cư dân bản địa có khả năng đã hình thành một trung tâm/một thể chế kiểm soát toàn bộ hoạt động ở khu vực vịnh Gành Rái và những thủ lĩnh của thể chế có quyền lực tập trung khá mạnh. Những dấu tích còn lại của thể chế này phần nào được thể hiện

qua các mặt nạ bằng vàng được tìm thấy ở khu mộ táng Giồng Lớn, biểu trưng cho quyền lực và sự giàu có của những thủ lĩnh tối cao.

Sự xuất hiện của cộng đồng cư dân mộ chum Giồng Cá Vồ có lẽ do những cư dân bản địa đang cư trú ở Giồng Lớn chủ động thực hiện. Cư dân Giồng Lớn có thể đã bố trí khu vực Giồng Cá Vồ cho các nhóm thương nhân di cư từ Ấn Độ làm nơi cư trú và thực hiện các hoạt động trao đổi thương mại với các cư dân địa phương. Những chứng tích vật chất củng cố cho suy luận trên thể hiện khá rõ trong bộ sưu tập hiện vật bằng vàng và đá quý ở cả hai địa điểm. Chúng ta có thể thấy, mặc dù ở cả hai địa điểm cùng xuất hiện rất nhiều hiện vật biểu trưng cho hoạt động hải thương quốc tế nhưng chỉ có ở Giồng Lớn mới thấy hiện diện những mặt nạ bằng vàng biểu trưng cho quyền lực thủ lĩnh như đã nhắc đến ở trên.

Sự hình thành một thể chế kiểm soát và một trung tâm giao thương ở khu vực vịnh Gành Rái có thể được hình dung theo “mô hình mạng lưới trao đổi ven sông” của Bronson. Theo mô hình này, hàng hóa từ miền ngược dựa vào mạng lưới trao đổi ven sông tập trung về những hải cảng/cảng thị ở các cửa sông lớn để kết nối với mạng lưới hải thương quốc tế. Trong đó những cảng thị ở vùng cửa sông, ven biển nắm vai trò chi phối đối với các cộng đồng cư dân khác nằm sâu hơn trong vùng đồng bằng và vùng núi thông qua việc quản lý và duy trì việc

lưu thông hàng hóa về phía trung tâm duyên hải. Để có được những nguồn hàng ổn định tập trung về trung tâm cảng thị, Bronson (1977: 39-54) cho rằng đã có sự kiểm soát bằng những chính sách đặc thù, thậm chí cả những chính sách cưỡng chế của trung tâm với các vùng nội địa và vùng núi. Bên cạnh việc sử dụng những chính sách cứng rắn, có lẽ trung tâm cũng đã lựa chọn giải pháp cung cấp trao đổi những sản phẩm ngoại nhập từ nguồn hải thương quốc tế mà các vùng nội địa và vùng núi không thể tự sản xuất và do vậy kích thích các trung tâm bên trong nội địa tự nguyện tham gia vào hệ thống trao đổi miền ngược - miền xuôi trong vùng. Nhiều nhà nghiên cứu khác (Glover, 1996; 2009; Francis, 2002) cũng cho rằng, vào khoảng thế kỷ I - II trước Công nguyên, ở Đông Nam Á đã xuất hiện các nhà nước sơ khai được hình thành theo dạng các quốc gia cảng thị, chi phối mọi hoạt động của cư dân trong vùng đất dọc theo một con sông lớn, từ hạ lưu sông đến thượng nguồn, nơi sản xuất các loại vật liệu rừng để cung cấp cho các thương gia nước ngoài.

Có thể thấy vịnh Gành Rái trong khoảng vài thế kỷ trước sau Công nguyên đã đóng vai trò là một thương cảng đảm nhận vị trí là trung tâm giao thương với thế giới bên ngoài nằm dưới sự kiểm soát của thể chế chính trị - quân sự bản địa Giồng Lớn và nhóm thương nhân Giồng Cá Vồ - Giồng Phệt - Giồng Lớn. Từ thương

cảng này, qua các con sông thuộc hệ thống sông Sài Gòn, sông Vàm Cỏ, các nguồn sản vật từ sâu trong nội địa và vùng núi phía tây được quy tụ và xuất khẩu hàng hóa đi các nơi.

Sự phát triển hải thương đã dẫn đến những thay đổi toàn diện của nền kinh tế của cư dân văn hóa tiền Óc Eo ở vùng ngập mặn Đông Nam Bộ, khiến các cộng đồng cư dân phải điều chỉnh truyền thống, tổ chức lại nền kinh tế và theo đó là cấu trúc lại lực lượng lao động giữa các ngành nghề. Sự thay đổi này ngày càng rõ nét ở 1 - 2 thế kỷ trước sau Công nguyên do hoạt động hải thương ngày càng được đẩy mạnh. Những sản phẩm trang sức như hạt chuỗi khắc axit, hạt chuỗi hình tang trống thất hai đầu, hạt chuỗi có những băng đen trắng, đồ trang sức bằng vàng hay thủy tinh bọc vàng, hạt cườm thủy tinh đơn sắc... có nguồn gốc từ Ấn Độ, Trung Á ngày càng xuất hiện phổ biến ở khu vực này (Francis, 2002). Dấu ấn từ Trung Hoa cũng hiện diện qua một số đồng tiền Ngũ Thù thời Hán ở Giồng Lớn. Sự phát triển thương mại còn đưa đến sự tiếp nhận những ngành nghề thủ công tinh xảo như chế tác thủy tinh, gia công mã não... ở các địa điểm Giồng Cá Vồ, Giồng Lớn để biến những mặt hàng này từ những sản phẩm nhập ngoại trở thành nguồn sản phẩm nội địa (Đặng Văn Thắng và nnk, 1998). Những đồ trang sức nhập ngoại đã phản ánh rõ nét sự giàu có của chủ nhân các ngôi mộ Giồng Lớn - Giồng Cá Vồ - Giồng Phệt, đó là những

người có địa vị cao trong xã hội, đời sống kinh tế phát triển và có mối quan hệ giao lưu trao đổi mạnh mẽ với các khu vực khác.

Rõ ràng, cho đến khoảng thế kỷ I - II sau Công nguyên, trong bối cảnh chung của khu vực Đông Nam Á, trên cơ sở văn hóa bản địa, dưới những tác động rất mạnh từ hải thương liên thế giới Trung Hoa - Ấn Độ đến mọi mặt kinh tế - văn hóa - xã hội dẫn đến sự phát triển xã hội phân tầng có trình độ cao ở khu vực ngập mặn ven biển Đông Nam Bộ. Sự phát triển nội tại đưa đến nhu cầu cần có một thể chế nhằm thống nhất những cộng đồng bản địa phục vụ hải thương quốc tế, chống lại những uy hiếp từ bên ngoài. Thể chế này, ngay từ khi hình thành đã hướng đến quỹ đạo chịu ảnh hưởng của văn hóa Ấn Độ (Lê Xuân Diệm, 2006: 27-37). Và như các nhà nghiên cứu trước đây đã ghi nhận, sự truyền thừa văn hóa do người Ấn Độ thực hiện là một sự xâm thực hòa bình và tự nguyện, đưa đến những chuyển đổi sâu sắc cả về kinh tế - văn hóa (Coedes, 2011).

Mở rộng phạm vi soi chiếu đến lịch sử Phù Nam, một nhà nước tồn tại trong khoảng từ đầu Công nguyên đến thế kỷ VII để làm rõ thêm nhận định trên. Theo các nhà nghiên cứu, ông vua đầu tiên của Phù Nam là một quý tộc người Ấn Độ hay là một tăng lữ Bà la môn tên là Hổn Điền. Từ khi thành lập, Phù Nam chịu nhiều ảnh hưởng của Ấn Độ giáo. Đặc biệt, ở khoảng giữa thế kỷ IV đến đầu thế kỷ V, đất nước

này còn được cai trị bởi những vị vua người Ấn Độ như vị vua đầu tiên lập nước (Lương Ninh, 2009). Từ đây có thể thấy, những yếu tố hải thương quốc tế và thông qua đó là sự dung hợp về văn hóa, xã hội, tôn giáo giữa các nhóm cư dân bản địa với các nhóm thương nhân bên ngoài đã tạo những bước tiến vượt bậc làm thay đổi hẳn bộ mặt của các nền văn hóa bản địa; dẫn đến những thay đổi về chất để từ đó hình thành nên những nhà nước sơ khai ở khu vực này.

4. THAY LỜI KẾT

Tư liệu khảo cổ ghi nhận nhiều về sự giao lưu trao đổi thương mại và qua đó là trao đổi văn hóa thông qua con đường hải thương quốc tế giữa các khu vực. Trong đó, những ảnh hưởng trực tiếp từ các văn hóa bên ngoài tác động mạnh vào những khu vực di tích ở cửa sông, ven biển - là những vị trí thuận lợi cho giao thương.

Từ tiếp xúc kinh tế, văn hóa, những sự ảnh hưởng về tư tưởng và tổ chức xã hội mang dấu ấn văn minh Ấn Độ được chuyển tải đến khu vực Đông Nam Bộ Việt Nam. Trên cơ sở văn hóa bản địa với sự phát triển sẵn có, sự tiếp thu, dung hợp những yếu tố văn hóa, xã hội, tôn giáo mới là động lực trực tiếp để hình thành nên nhà nước sơ khai ở khu vực này, là một cơ sở quan trọng góp phần hình thành nên văn hóa Óc Eo trong lịch sử.

Ngoài con đường hình thành văn hóa Óc Eo từ hướng biển còn có một con đường hình thành từ nội địa mở ra phía biển. Theo đó, một thể chế lục

địa khá mạnh đã tràn ra phía biển nên các cảng thị như trường hợp Óc nhằm kiểm soát các tuyến hải thương Eo. Vấn đề này sẽ được tiếp tục trình đi qua khu vực Vịnh Thái Lan và lập bày trong một nghiên cứu khác. □

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Bronson B. 1977. "Exchange at the Upstream and Downstream Ends: Notes Towards a Functional Model of the Coastal State in Southeast Asia". *Economic Exchange and Social Interaction in Southeast Asia*. Ann Arbor: University of Michigan, pp. 39-54.
2. Bùi Chí Hoàng, Phạm Chí Thân, Nguyễn Khánh Trung Kiên. 2012. *Khảo cổ học Bà Rịa - Vũng Tàu từ tiền sử đến sơ sử*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
3. Bùi Phát Diệm, Đào Linh Côn, Vương Thu Hồng. 2001. *Khảo cổ học Long An những thế kỷ đầu Công nguyên*. Sở Văn hóa - Thông tin Long An.
4. Coedès G. 2011. *Cổ sử các quốc gia Ấn Độ hóa ở Viễn Đông*. Hà Nội: Nxb. Thế giới.
5. Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền. 1995. "Khai quật Giồng Cá Vồ". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2, tr. 3-19.
6. Đặng Văn Thắng, Vũ Quốc Hiền, Nguyễn Thị Hậu, Ngô Thế Phong, Nguyễn Kim Dung, Nguyễn Lâm Cường. 1998. *Khảo cổ học tiền sử và sơ sử Thành phố Hồ Chí Minh*. Thành phố Hồ Chí Minh: Nxb. Trẻ.
7. Francis P. Jr. 2002. *Asia's Maritime Bead Trade: 300 B.C to the Present*. University of Hawaii Press.
8. Glover I. C. 1990. "Early Trade between India and Southeast Asia: A Link in the Development of a World Trade System". *Occasional Paper*, No.16. Centre for South-East Asian Studies.
9. Glover I. C. 1996. "The Southern Silk Road: Archaeological Evidence for Early Trade Between India and Southeast Asia". *Ancient Trade and Cultural Contacts in Southeast Asia*, The Office of the National Culture Commission Bangkok, Thailand.
10. Glover I. C. 2009. "Sa Huỳnh - A Sociocultural Type: An Attempt to Develop an Interpretative Framework for a Late Prehistoric Society Drawing on Archaeology, Ethnography and Analogy". Tham luận trình bày tại *Hội thảo khoa học quốc tế 100 năm phát hiện và nghiên cứu văn hóa Sa Huỳnh*. Quảng Ngãi.
11. Hà Văn Tấn. 1985. "Óc Eo: Những yếu tố nội sinh và ngoại sinh". In trong *Kỷ yếu hội thảo Văn hóa Óc Eo và các nền văn hóa cổ ở Đồng bằng sông Cửu Long*. Long Xuyên, tr. 222-231.
12. Lâm Thị Mỹ Dung. 2003. "Về truyền thống mộ chum". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2, tr. 48-59.
13. Lê Xuân Diệm. 2006. "Chứng cứ khảo cổ về buổi đầu tiếp xúc với Ấn Độ ở đồng bằng sông Cửu Long". *Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á*, số 6, tr. 27-37.
14. Lê Xuân Diệm. 2007. "Giồng Nổi, di chỉ Giồng Nổi và văn hóa cổ ở Giồng Nổi (Bến Tre)". *Tạp chí Khảo cổ học*, số 2, tr. 63-69.
15. Lê Xuân Diệm, Đào Linh Côn, Võ Sĩ Khải. 1995. *Văn hóa Óc Eo - những khám phá mới*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.

16. Lương Ninh. 2009. *Vương quốc Phù Nam*. Hà Nội: Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội.
17. Ngô Thế Phong, Bùi Phát Diệm. 2001. “Khai quật di chỉ Gò Ô Chùa (Long An)”. Bảo tàng Lịch sử Việt Nam Hà Nội. *Thông báo Khoa học*.
18. Nguyễn Lâm Cường. 2004. “Di cốt người cổ ở Nam Bộ”, in trong *Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam, Kỷ yếu hội thảo khoa học nhân 60 năm phát hiện văn hóa Óc Eo (1944 - 2004)*. Hà Nội: Nxb. Thế giới, tr. 177-199.
19. Nguyễn Ngọc Quý (chủ biên). 2022. *Giao thương thời tiền sơ sử ở miền Trung Việt Nam*. Hà Nội: Nxb. Khoa học Xã hội.
20. Nguyễn Quốc Mạnh. 2023. “Nguồn gốc Văn hóa Óc Eo và vương quốc Phù Nam: Bằng chứng khảo cổ học từ các di tích văn hóa Tiền Óc Eo ở vùng đồng bằng Nam Bộ (Việt Nam)”. In trong *Văn hóa Óc Eo trong bối cảnh văn hóa Châu Á. Kỷ yếu hội thảo*. An Giang, tr. 224-241.
21. Nguyễn Thị Hậu. 1997. *Di tích mộ chum miền Đông Nam Bộ - Những phát hiện mới tại Cần Giơ, Thành phố Hồ Chí Minh*. Luận án, Viện Khoa học xã hội tại Thành phố Hồ Chí Minh.
22. Nguyễn Thị Hậu, Đặng Văn Thắng. 2000. “Văn hóa Giồng Phệt và văn hóa Sa Huỳnh”, Bảo tàng Lịch sử Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh. *Thông báo Khoa học*, số 2, tr. 102-108.
23. Nguyễn Xuân Mạnh, Đặng Hồng Sơn, Andreas Reinecke. 2007. “Địa điểm Gò Ô Chùa (Long An) với quá trình chuyển tiếp tiền Óc Eo lên Óc Eo ở Nam Bộ”. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 6, tr. 37-55.
24. Phạm Đức Mạnh, Đỗ Ngọc Chiến, Nguyễn Công Chuyên. 2009. “Phức thể tiền - sơ sử Gò Cây Tung (An Giang) - Nguồn tư liệu mới và đôi điều nhận thức”. In trong *Kỷ yếu hội thảo Văn hóa Óc Eo: Nhận thức và giải pháp bảo tồn, phát huy giá trị*. An Giang, tr. 100-122.
25. Solheim II W. G. 2000. “Taiwan, Coastal South China, and Northern Vietnam and The Nusantara Maritime Trading Network”. *Journal of East Asian Archeology*, JEAA, Vol. 2, No. 1-2, pp. 273-284.
26. Trương Đắc Chiến. 2017. *Di tích Giồng Lớn và vai trò của nó với sự hình thành văn hóa Óc Eo ở vùng ven biển Đông Nam Bộ*. Luận án, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Hà Nội.
27. Trương Đắc Chiến. 2018. *Di tích Giồng Lớn (Bà Rịa - Vũng Tàu) với vấn đề nghiên cứu quá trình hình thành văn hóa Óc Eo ở vùng ven biển Đông Nam Bộ*. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 6, tr. 21-45.
28. Viện Khảo cổ học. 2022. *Báo cáo sơ bộ kết quả khai quật khảo cổ học di tích Giồng Cá Vồ lần thứ II, năm 2021 (huyện Cần Giơ, Thành phố Hồ Chí Minh)*. Tư liệu Viện Khảo cổ học.
29. Vương Thu Hồng. 2007. “Di tích văn hóa “tiền Óc Eo” ở Long An với mối quan hệ xa gần trên vùng châu thổ Đồng bằng sông Cửu Long”. *Tạp chí Khảo cổ học*, số 4, tr. 44-57.